

Số: 03/TTLT-TANDTC-VKSNDTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và phối hợp chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và phối hợp chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và phối hợp chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng hình sự).

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp;
- Người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan quy định tại điểm a khoản này;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, không bỏ sót, không chồng chéo, trùng lặp về thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

3. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Về một số từ ngữ

Một số từ ngữ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự được hiểu như sau:

1. Vụ án “*có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm*” là vụ án thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vụ án có đủ các tình tiết sau: liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người; tài liệu, chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, cần phải kiểm tra, xác minh, đánh giá, xử lý; hành vi phạm tội được thực hiện trên phạm vi địa phận từ 02 tỉnh, thành phố trở lên; tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực; gây hoang mang, lo lắng, bất bình trong nhân dân;

b) Vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo;

c) Vụ án có bị cáo bị truy tố về một hoặc một số tội thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực mà sau khi thụ lý vụ án phát hiện bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình tại một bản án khác và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật.

2. “*Vụ án mà khi xử lý có ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại*” là vụ án mà khi xử lý có tác động, ảnh hưởng đến chủ trương, đường lối, chính sách, quan hệ đối ngoại, uy tín, vị thế của Đảng và Nhà nước.

3. “*Vụ án mà người phạm tội là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh trở lên*” là vụ án có người phạm tội là người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phó trở lên của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp tỉnh, ủy viên Ban Thường vụ thành ủy, tỉnh ủy; thứ trưởng và tương đương thứ trưởng trở lên tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tương đương hoặc các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

4. “*Người có chức sắc trong tôn giáo*” là người được phong phẩm hoặc suy cử làm hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; mục sư của các tổ chức Tin lành; phối sư trở lên của các Hội thánh Cao đài; giảng sư trở lên của Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam và các phẩm vị tương đương của tổ chức tôn giáo khác.

5. “*Người có uy tín cao trong dân tộc thiểu số*” là người gắn bó mật thiết với đồng bào dân tộc thiểu số, có khả năng quy tụ, tập hợp, được đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số tin tưởng, nghe và làm theo, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật hiện hành có quá trình công tác lâu năm, có cống hiến cho vùng dân tộc thiểu số đó và được đồng bào dân tộc thiểu số tín nhiệm;

b) Già làng, trưởng thôn, trưởng bản, trưởng dòng họ, người thường được đồng bào dân tộc thiểu số mời thực hiện các nghi lễ cầu cúng cho gia đình, dòng họ, bản làng;

c) Chức sắc, chức việc trong các tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số (Ví dụ: Phật giáo, Hồi giáo, Tin lành, Công giáo...);

d) Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nhà giáo, người hành nghề chữa bệnh giỏi hoặc người có điều kiện kinh tế thường giúp đỡ và được đồng bào dân tộc thiểu số tín nhiệm.

Điều 4. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định là tù chung thân hoặc tử hình.

2. Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm;

b) Khi xử lý có ảnh hưởng đến chính trị, đối ngoại;

c) Người phạm tội là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp tỉnh trở lên;

d) Người phạm tội là người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc thiểu số.

Điều 5. Phối hợp chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử

1. Sau khi Tòa án nhân dân khu vực thụ lý vụ án nhưng xét thấy vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Chánh án Tòa án nhân dân khu vực báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh để xem xét, giải quyết như sau:

a) Nếu xét thấy vụ án không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo ngay để Tòa án nhân dân khu vực tiếp tục giải quyết, xét xử theo quy định;

b) Nếu xét thấy vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và có văn bản thông báo ngay cho Tòa án nhân dân khu vực. Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực phải trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đã truy tố để chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền truy tố. Việc chuyển vụ án được thực hiện theo quy định tại Điều 274 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Sau khi Tòa án nhân dân cấp tỉnh thụ lý vụ án nhưng xét thấy vụ án không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, quyết định việc trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để truy tố ra Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền.

3. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử được thực hiện theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải hướng dẫn thì kịp thời phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để có hướng dẫn, giải quyết kịp thời. /.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Hồ Đức Anh

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Trí Tuệ

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- TAND và VKSND các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC;
- Cổng thông tin điện tử: TANDTC, VKSNDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, VKSNDTC).